

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 16-4-2021
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Bê

Ông Nguyễn Văn Hươn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1015/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1991.

HKTT: Xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ tạm trú: Số 198, đường P, Tổ 19, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Công Th, sinh năm 1990.

HKTT: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ tạm trú: Tổ 1, khu A, ấp 5, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông Th vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 12/11/2020 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Huỳnh Công Th xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 05 tháng 5 năm 2014. Việc

kết hôn do bà và ông Th đều tự nguyện. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Công Th. Nguyên nhân bà T yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã nhau. Bà và ông Th đã sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Hiện bà T xác định không còn tình cảm với ông Th, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà T và ông Th có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Gia H, sinh ngày 18/11/2014. Nếu ly hôn bà T đồng ý giao cháu H cho ông Th nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của ông Huỳnh Công Th tại hồ sơ thể hiện: Ông và bà T chung sống với nhau từ năm 2014 có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 05 tháng 5 năm 2014, việc kết hôn do cả hai tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do thời điểm đó ông không có tiền lo cho gia đình, ngoài ra ông cũng thường xuyên đi nhậu cùng bạn bè nên giữa ông và bà T liên tục xảy ra cãi vã và có 01 lần xô xát nhau nhưng không báo chính quyền địa phương mà tự giải quyết. Từ năm 2019 bà T đã bỏ ra ngoài thuê nhà trọ và sống ly thân với ông nhiều lần nhưng lần sống ly thân gần đây nhất là vào tháng 04/2020 cho đến nay. Quá trình sống ly thân, ông có đến gặp bà T để bàn bạc đoàn tụ nhưng không thành. Nay bà T xin ly hôn, ông Th không đồng ý vì ông còn tình cảm với bà T.

Về con chung: Ông Th khai giữa ông và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Gia H, sinh ngày 18/11/2014. Nếu ly hôn ông đồng ý nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Th khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Huỳnh Công Th không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T; giao con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Gia H, sinh ngày 18/11/2014 cho ông Th nuôi dưỡng, ông Th nuôi con không yêu cầu bà T cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Huỳnh Công Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông Th vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn bà T và bị đơn ông Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Công Th xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 05 tháng 5 năm 2014 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Bà T xin ly hôn ông Th với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống. Bà và ông Th đã sống ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay nhưng ông Th không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà T mà ông Th mong muốn được đoàn tụ vì ông còn tình cảm với bà T.

Xét quan hệ hôn nhân của bà T và ông Th thì thấy rằng: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự thể hiện bà T và ông Th chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 và đã có thời gian sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay nhưng không thể hòa giải đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, có đủ cơ sở xác định bà T và ông Th đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, xử cho bà T được ly hôn với ông Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Bà T và ông Th có 01 người con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Gia H, sinh ngày 18/11/2014. Bà T yêu cầu giao cháu H cho ông Th tiếp tục nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con, ông Th cũng đồng ý. Xét thời gian qua ông Th nuôi dưỡng con tốt. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu H cho ông Th tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Th nuôi con không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của bà Nguyễn Thị T đối với ông Huỳnh Công Th.

Xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Công Th.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Gia H, sinh ngày 18/11/2014 cho ông Huỳnh Công Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Bà T được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 110 và Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005105 ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà T và ông Th được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Chi cục THADS huyện Long Thành (1);
- UBND xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (GCNKH số 59/2014 ngày 05/5/2021)
- (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Minh Thảo

